TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16/7/2018
«V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng »

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Mai Phương và bà Lê Thị Thanh Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Lê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2018/TLST - HNGĐ ngày 04/6/2018 về việc: "Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981; ĐKHKTT tại: Tổ N, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Đoàn Duy K, sinh năm: 1980; ĐKHKTT tại: Tổ N, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có đơn xin xử án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/5/2018, 17/5/2018, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đều trình bày: Chị và anh Đoàn Duy K chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có sự chứng kiến của hai bên gia đình và tổ chức đám cưới theo nghi lễ truyền thống từ năm 2002, sau đó anh chị về sống tại tổ N, khu B, phường C, thành phố C. Nguyên nhân chị và anh K không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vì muốn về chung sống một thời gian để tìm hiểu nhau nhưng sau đó cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn nên chị và anh K không đi đăng ký kết hôn nữa. Từ năm 2008 mâu thuẫn trở lên trầm trọng hơn, anh chị không còn bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất, kinh tế khó khăn dẫn đến thường xuyên cãi vã, không khí gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi. Anh K không quan tâm chu đáo đến vợ con, ham chơi bời làm ảnh hưởng đến cuộc sống chung của gia đình. Chị cũng nhẹ nhàng khuyên bảo nhiều lần nhưng

anh K không thay đổi nên từ đó anh chị không nói chuyện hay bàn bạc với nhau về bất cứ vấn đề gì nữa. Gia đình hai bên cũng khuyên can, hòa giải, phân tích cho anh chị nhiều lần nhưng không đạt kết quả, từ tháng 12/2008 anh chị quyết định không chung sống cùng nhau nữa, chị về ở cùng với bố mẹ đẻ tại phường C còn anh K vẫn sống tại nhà cũ, sau đó anh chị có vài lần nói chuyện với nhau để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Cho đến nay chị không còn tình cảm dành cho anh K, vì mâu thuẫn đã rất trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh K.

+ Về con chung: Chị và anh Đoàn Duy K có 01 con chung là Đoàn Thị Thu H – sinh ngày xx/x/xxxx. Khi Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, anh chị đã thỏa thuận anh K là người nuôi dưỡng con chung, anh K không yêu cầu chị cấp dưỡng cho con, thỏa thuận của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H là muốn được ở cùng với bố, chị được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị và anh K không có tài sản và công nợ chung

* Tại lời tự khai và đơn xin xử án vắng mặt, bị đơn anh Đoàn Duy K trình bày: Anh và chị Thu về chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức đám cưới theo nghi lễ truyền thống nhưng không đi đăng ký kết hôn hợp pháp, sau đó anh chị về sống tại tổ N, khu B, phường C, thành phố C. Nguyên nhân anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là do muốn chung sống một thời gian để tìm hiểu nhau nhưng sau đó anh chị có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên không đi đăng ký kết hôn nữa. Từ năm 2005 anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do không hợp nhau, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất nên thường xảy ra cãi vã, có những câu nói không tôn trọng nhau, không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Từ năm 2008, anh và chị T đã không còn chung sống với nhau, gia đình cũng hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Đến nay anh cũng không còn tình cảm dành cho chị T nữa nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị. Trong quá trình sống chung anh chị có 01 con chung là Đoàn Thị Thu H – sinh ngày xx/x/xxxx, anh và chị T đã thỏa thuận anh là người nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con, thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung của anh chị, hiện nay anh làm công nhân thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/tháng, đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng con chung. Về tài sản và công nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng có đơn xin xử án vắng mặt. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh K là đúng pháp luật. Về nội dung: Căn cứ Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Xét thấy yêu cầu khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận và giao cho

anh K nuôi dưỡng con chung Đoàn Thị Thu H, hai bên không phải cấp dưỡng cho con chung; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn - Anh Đoàn Duy K đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xử án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Duy K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, có làm đám cưới theo nghi lễ truyền thống nhưng không đến Ủy ban nhân dân phường (xã) đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình đúng như lời khai của chị T và anh K. Về nguyên nhân dẫn đến chị T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh K là do trong quá trình chung sống tính cách của anh chị không hợp nhau, không bàn bạc được vấn đề gì đi đến thống nhất, không tin tưởng, tôn trọng và có những lời lẽ xúc phạm nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên cả hai chán nản không muốn đi đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn trầm trọng nên từ cuối năm 2008 anh chị đã quyết định không chung sống cùng nhau, chị về gia đình nhà ngoại ở còn anh vẫn ở tại nhà cũ, anh chị có gặp nhau một vài lần để tìm biện pháp khắc phục, gia đình có hòa giải cho anh chị nhưng không đạt kết quả. Tình trạng mâu thuẫn của anh chị cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú và lời khai của con chung của anh chị. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và anh K.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, chị T và anh K có 01 con chung là Đoàn Thị Thu H – sinh ngày xx/x/xxxx. Chị T và anh K cùng thỏa thuận anh K là người nuôi dưỡng con chung, chị T không phải cấp dưỡng cho con, thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Xét thấy anh K có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, có thu nhập là 5.000.000 đồng/tháng, có nhà ở ổn định và ở cùng với bố mẹ. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy giao cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đoàn Thị Thu H cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với nguyện vọng, điều kiện thu nhập cũng như khả năng nuôi dưỡng để con chung có điều kiện phát triển tốt. Chị T không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Các 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Duy K.

2. Về con chung: Giao con chung Đoàn Thị Thu H – sinh ngày xx/x/xxxx cho anh Đoàn Duy K có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày xx/x/xxxx theo biên lai số: 000xxxx tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- L-u HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh